

Số: 103/BC-ĐĐBQH

Bình Dương, ngày 29 tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO

### Kết quả giám sát “Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương”

Thực hiện Nghị quyết số 738/NQ-UBTVQH14 ngày 30/7/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2020”; Nghị quyết số 789/NQ-UBTVQH14 ngày 17/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên”; Kế hoạch số 508/KH-ĐGS ngày 20/12/2019 của Đoàn giám sát về Kế hoạch chi tiết thực hiện giám sát chuyên đề “Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên”.

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và các nội dung được giao, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-ĐĐBQH ngày 16/01/2020 về việc thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương”; Kế hoạch số 49/KH-ĐGS ngày 17/02/2020 của Đoàn giám sát về việc ban hành Kế hoạch chi tiết khảo sát, giám sát chuyên đề “Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương” và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan báo cáo về nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát. Cho đến nay, Đoàn giám sát đã nhận được 10 báo cáo, bao gồm báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, các Hiệp hội trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo của các Sở, ban, ngành, các Hiệp hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội trong Đoàn, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội các nội dung chủ yếu về kết quả giám sát như sau:

#### I. Kết quả ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND để triển khai thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên

##### 1. Việc ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND để triển khai thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên



Thời gian qua, Tỉnh Ủy và UBND tỉnh Bình Dương luôn quan tâm và chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động, tích cực triển khai kịp thời có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do thông qua việc ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng và các đề án, chương trình hành động trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể, nhằm đẩy mạnh phát triển đồng bộ về kinh tế - văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, an ninh quốc phòng, tạo tiền đề cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua giám sát cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2014 đến 2018, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 24 văn bản bao gồm: Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch hành động, các Quyết định có liên quan đến việc hỗ trợ Doanh nghiệp cũng như triển khai và thực thi các FTA tại địa phương<sup>1</sup>, góp phần tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cũng như làm cơ sở cho Doanh nghiệp xem xét, thực hiện.

## **2. Đánh giá về chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành**

Công tác rà soát và ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm kịp thời đáp ứng thực hiện các FTA luôn được Tỉnh quan tâm, xác định là một nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật. Qua đó, Tỉnh thường xuyên triển khai hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo phù hợp với các cam kết hội nhập, đặc biệt là các nội dung có liên quan đến các hiệp định thương mại song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên và kịp thời phát hiện các văn bản chưa phù hợp, từ đó có đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, thay thế những quy định làm cản trở việc thực hiện hoặc không đảm bảo với cam kết của Việt Nam khi tham gia các FTA, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong và ngoài nước; đề xuất ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện các cam kết mới khi ký kết các FTA.

Nhìn chung, văn bản quy phạm pháp luật do Tỉnh ban hành chủ yếu là văn bản chấp hành, thực thi văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương nên tính thống nhất, đồng bộ luôn được đảm bảo. Ngoài ra, việc công khai, minh bạch thông tin, thủ tục hành chính, các quy định pháp luật đến nhân dân được Tỉnh thực hiện nghiêm túc, văn bản QPPL của tỉnh sau khi ban hành đều thực hiện đăng công báo, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo đúng quy định.

## **II. Kết quả công tác tổ chức thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên**

### **1. Về tổ chức, bộ máy**

Để thực hiện đồng bộ công tác hội nhập kinh tế quốc tế cũng như tăng cường phối hợp và phân công nhiệm vụ cụ thể trong việc triển khai thực hiện,

<sup>1</sup> Đính kèm Phụ lục 1.

Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 28/03/2016 và Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Công thương là đầu mối phối hợp với các Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh các vấn đề có liên quan, đồng thời hàng năm rà soát, thống kê, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế tỉnh hình triển khai thực hiện công tác này tại địa phương.

## **2. Công tác ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên**

- Công tác tổ chức triển khai, phối hợp thực hiện các FTA và hỗ trợ, xử lý vướng mắc cho Doanh nghiệp

Qua giám sát nhận thấy, trên cơ sở các văn bản, chỉ đạo của Chính phủ về triển khai kế hoạch thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các Quyết định, Kế hoạch<sup>2</sup> giao nhiệm vụ các Sở, ban, ngành, các cấp căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách về các FTA mà Việt Nam ký kết tham gia. Đồng thời, phối kết hợp với các bộ ngành Trung ương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nội dung, kiến thức cơ bản, phổ cập về HNKQT và các cam kết trong WTO, lộ trình thực hiện các cam kết, đàm phán thương mại tự do (FTA) nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân về chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, các Sở, ban, ngành và các địa phương thông qua các kênh như báo, đài truyền thanh, truyền hình, website cơ quan để giải đáp thắc mắc cho người dân, Doanh nghiệp; thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật, các nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế. Qua đó, công tác đối thoại doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp được các cơ quan, ban ngành thực hiện hiệu quả. Các vướng mắc, khó khăn đều được tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn về các FTA:

Qua giám sát cho thấy, cấp Ủy và chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh luôn quan tâm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về các hiệp định FTA mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn tỉnh thông qua nhiều hình thức như: bản tin, phóng

<sup>2</sup> Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án và Chương trình hành động thực hiện Đề án Nâng cao năng lực Hội nhập kinh tế quốc tế (HNKQT) năm 2015 và những năm tiếp theo của tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 về Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của tỉnh Bình Dương

sự, tọa đàm trên sóng phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí chuyên đề, các website và trên công thông tin điện tử của tỉnh Bình Dương và các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, nội dung trọng tâm liên quan đến lĩnh vực thuế, hải quan, thu hút đầu tư, bảo hiểm, lao động, tài chính – ngân hàng,...; các FTA mà Việt Nam đã và đang tham gia ký kết; tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; các hoạt động đón, tiếp và làm việc với các đoàn khách quốc tế tại địa phương; các thông tin đối ngoại của tỉnh và thông tin quốc tế...

### **3. Đánh giá chung về công tác tổ chức, thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên của UBND**

Đoàn giám sát nhận thấy công tác triển khai các chủ trương, định hướng và tổ chức thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và các FTA nói riêng luôn được Tỉnh quan tâm sâu sát và đạt được những kết quả nhất định. Các hoạt động hợp tác Quốc tế không ngừng được củng cố và mở rộng với nhiều quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ; công tác thu hút đầu tư nước ngoài tiếp tục vượt các chỉ tiêu đề ra, thương mại hàng hóa tăng trưởng ổn định, thặng dư thương mại lớn trong nhiều năm, thu NSNN tăng trưởng qua các năm, đặc biệt là thu nội địa...

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số khó khăn nhất định cần khắc phục như: Tốc độ gia tăng dân số quá nhanh, tạo gánh nặng lớn trong công tác đảm bảo an sinh, xã hội như: giải quyết việc làm, nơi ở; nâng cao chất lượng cuộc sống (y tế, trường học, dịch vụ,...), đảm bảo tình hình an ninh, trật tự nhất là tại các địa bàn đông dân cư, các Khu công nghiệp và địa bàn có tỷ lệ đô thị hóa cao như Dĩ An, Thuận An, Thủ Dầu Một... Ngoài ra, một số khó khăn khác như ô nhiễm môi trường; kết cấu hạ tầng mặc dù phát triển tốt nhưng không theo kịp tốc độ tăng trưởng dẫn đến tình trạng quá tải, kẹt xe thường xuyên trên một số tuyến đường; trình độ lao động chưa cao, chủ yếu là lao động phổ thông; giá trị thương mại cao nhưng chủ yếu phụ thuộc vào nguồn lực FDI; tiềm lực các Doanh nghiệp trong nước còn yếu, dễ bị tổn thương khi kinh tế có biến động là những vấn đề cấp bách đang được Tỉnh nghiên cứu, khắc phục,...

## **III. Kết quả mang lại từ việc thực hiện các FTA đối với địa phương**

### **1. Đối với lĩnh vực chính trị, đối ngoại, an ninh, quốc phòng**

*a) Lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng:* Qua giám sát nhận thấy, công tác bảo vệ quốc phòng – an ninh luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm sâu sát. Thực hiện Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 25/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 151/KH-BCA-A04 ngày 02/5/2019 của Bộ Công an, Công an tỉnh Bình Dương đã xây dựng Kế hoạch số 22/KH-CAT-PV01 ngày 27/5/2019 triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của Tỉnh; phát động phong trào “toàn

*Dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*". Qua đó, công tác quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, sẵn sàng phục vụ quốc phòng - an ninh, duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu đảm bảo an toàn tuyệt đối các hoạt động chính trị khi có tình huống xảy ra. Triển khai đồng bộ các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các khu vực nhạy cảm, đông dân cư, các khu, cụm công nghiệp. Qua đó, số lượng vụ việc vi phạm an ninh trật tự đã giảm dần qua các năm.

Trước diễn biến phức tạp của tội phạm trên không gian mạng, Công an tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo 94 của Tỉnh ủy triển khai Đề án "*Đảm bảo an ninh thông tin trong hoạt động Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin và Internet giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030*" nhằm đấu tranh, ngăn chặn hoạt động tội phạm sử dụng công nghệ cao. Đồng thời, địa phương đã thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, internet hiện đại, chất lượng cao; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn an ninh mạng; đáp ứng nhu cầu dân sinh, kịp thời xử lý khi có tình huống.

Tỉnh tập trung chú trọng đảm bảo an toàn tuyệt đối, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài đến đầu tư, giao lưu văn hóa, du lịch và làm việc tại địa phương. Mặt khác, Tỉnh chỉ đạo cơ quan nội chính chủ động nắm chắc tình hình, có biện pháp đấu tranh hiệu quả với các hoạt động "Diễn biến hoà bình" nhằm đánh bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

*b) Lĩnh vực đối ngoại:* Tỉnh tập trung chỉ đạo và tổ chức các chương trình, hoạt động tăng cường mối quan hệ hữu nghị, mở rộng các hoạt động thương mại, hợp tác đầu tư với các địa phương nước ngoài, thu hút được sự quan tâm sâu sắc của các đoàn khách quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quảng bá hình ảnh về một tỉnh Bình Dương năng động, sáng tạo, là điểm đến đáng tin cậy của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển của với các tỉnh, thành phố các nước trên thế giới, tỉnh đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác hữu nghị với nhiều tỉnh, thành phố trên thế giới.

## **2. Đối với lĩnh vực thương mại hàng hóa**

Với chính sách đổi mới và mở cửa về kinh tế khi hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới cùng sự phối kết hợp nỗ lực của các cấp, các ngành đã đem lại những tác động tích cực trên thị trường thương mại hàng hóa; hàng hóa đa dạng, phong phú đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và thị trường xuất khẩu được mở rộng.

- *Thương mại nội địa*: Thương mại, dịch vụ luôn đạt mức tăng trưởng khá; từng bước có cơ chế, chính sách để hỗ trợ thị trường trong nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; thương mại điện tử đang dần trở thành xu thế quan trọng trong hệ thống phân phối bán lẻ, từ đó phát triển về số lượng và chất lượng, gia tăng lưu thông hàng hóa và thúc đẩy sản xuất<sup>3</sup>. Ứng dụng thương mại điện tử có sự tăng trưởng rõ rệt, doanh nghiệp có sự quan tâm đầu tư vào xây dựng website<sup>4</sup>, cho phép đặt hàng và thanh toán trực tuyến. Ngoài ra, Sàn thương mại điện tử tỉnh Bình Dương đang được triển khai xây dựng và dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào giữa năm 2020.

Trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hàng năm, Tỉnh đều phối hợp với Bộ Công Thương, Cục Quản lý thị trường và Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tổ chức nhiều hoạt động để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, người tiêu dùng và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tiêu dùng như: Tổ chức các hội thảo để tuyên truyền pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, tổ chức các sự kiện để kỉ niệm Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam hàng năm (ngày 15/3).

- *Về xuất nhập khẩu*: Qua giám sát cho thấy, xuất khẩu hàng hóa của Bình Dương luôn đạt mức tăng trưởng khá, là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về tăng trưởng xuất khẩu, đặc biệt cán cân thương mại luôn đạt xuất siêu trong nhiều năm liền. Bình quân giai đoạn 2011-2015, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,2%, giai đoạn 2016-2020 dự ước tăng 11,47%, riêng năm 2019 kim ngạch xuất khẩu đạt 27 tỷ 781 triệu USD, tăng 15,6% so với năm 2018. Bình quân giai đoạn 2011-2015, kim ngạch nhập khẩu tăng 10,1%, giai đoạn 2016-2020 dự ước tăng 11,77%, riêng năm 2019 kim ngạch nhập khẩu đạt 20 tỷ 796 triệu USD, tăng 10,6% so với năm 2018. Bình quân giai đoạn 2011-2015 xuất siêu tăng 31,9%, giai đoạn 2016-2020 dự ước tăng 10,2%, riêng năm 2019, xuất siêu đạt 6,98 tỷ USD. Tuy nhiên, trong cơ cấu xuất khẩu, doanh nghiệp trong nước chỉ chiếm tỷ trọng 20%, trong khi đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm đến 80%. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp FDI tiếp tục là nhóm có ưu thế về thương mại nhờ tiềm lực tốt, khả năng tận dụng chính sách và ưu đãi về FTA, khả năng cạnh tranh cao do sở hữu công nghệ hiện đại, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu sâu và hiệu quả; mặt khác các Doanh nghiệp trong

<sup>3</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 21,9%, bình quân giai đoạn 2016-2020 dự ước tăng 18,2%, riêng năm 2019 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 227.805 tỷ đồng tăng 19,2% so với năm 2018, gấp 1,92 lần so với năm 2015, gấp 5,16 lần so với năm 2010.

<sup>4</sup> Hiện có 560 website thương mại điện tử được Bộ Công Thương xác nhận thông báo, đăng ký.

nước chủ yếu gia công, khả năng cạnh tranh thấp nên khó gia nhập sâu vào chuỗi liên kết như các Doanh nghiệp FDI.

Về cơ cấu hàng xuất khẩu của Tỉnh tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tỷ trọng sản phẩm chế biến được nâng lên, nhóm hàng công nghiệp chiếm 80,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu đa dạng, không lệ thuộc một thị trường, một đối tác. Tỉnh chủ động phối hợp với Bộ Công Thương trong cung cấp thông tin, phục vụ giải quyết các vụ việc chống bán phá giá, tự vệ và trợ cấp liên quan đến doanh nghiệp trên địa bàn<sup>5</sup>.

Đối với các thị trường có FTA với Việt Nam (kể cả song phương và khu vực), tổng kim ngạch xuất khẩu đều tăng qua các năm trong giai đoạn 2015-2019<sup>6</sup>. Tuy nhiên, rào cản lớn nhất hiện nay để hưởng ưu đãi từ các FTA chính là đáp ứng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa, thông qua việc cấp các C/O ưu đãi. Các mặt hàng nông sản của Việt Nam có tỷ lệ tận dụng ưu đãi tốt hơn do hầu hết đều đáp ứng quy tắc xuất xứ thuần túy (WO); còn mặt hàng công nghiệp do quy tắc xuất xứ đối với nhóm hàng công nghiệp về cơ bản phức tạp và khó đáp ứng hơn so với nhóm hàng nông nghiệp nên có tỷ lệ tận dụng ưu đãi chưa cao. Ngoài ra, để bảo vệ các ngành hàng xuất khẩu, các cơ quan quản lý Nhà nước cũng tăng cường các biện pháp về chống gian lận xuất xứ, nhất là với các Doanh nghiệp FDI.

### **3. Đối với lĩnh vực thương mại dịch vụ và đầu tư**

- *Về xúc tiến đầu tư - thương mại:* Môi trường đầu tư, các chính sách khuyến khích phát triển của nhà nước tiếp tục được quan tâm, hoàn thiện; các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội được huy động tốt hơn thông qua hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư được triển khai mạnh mẽ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hội nhập sâu rộng cũng góp phần thu hút thêm các doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư và kinh doanh. Cùng với đó, việc tạo điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện thường xuyên thông qua các buổi gặp gỡ, đối thoại đã góp phần tăng thu hút đầu tư của tỉnh trong những năm qua. Cụ thể: Năm 2019 thu hút FDI đạt 3 tỷ 67 triệu USD (Gồm 222 dự án đầu tư mới, 143 dự án điều chỉnh tăng vốn), lũy kế toàn tỉnh có 3.753 dự án, với tổng số vốn đầu tư là 34,23 tỷ USD; Đầu tư trong nước năm 2019 đạt 56.702 tỷ đồng (Gồm 6.100 doanh nghiệp đăng ký mới và 835 doanh

<sup>5</sup> Ví dụ như: (i) Hỗ trợ cung cấp các thông tin liên quan đến xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đối với hai công ty trên địa bàn khi Ấn Độ khởi xướng điều tra chống trợ cấp đối với ván sợi bằng gỗ nhập khẩu từ Việt Nam và một số quốc gia/vùng lãnh thổ; (ii) Cử đầu mối phụ trách xử lý và phối hợp trong suốt quá trình của vụ việc khi Canada khởi xướng điều tra chống phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm thép chống ăn mòn nhập khẩu từ Việt Nam và một số nước.

<sup>6</sup> Đính kèm Phụ lục 2.

nghiệp điều chỉnh tăng vốn), nâng tổng số doanh nghiệp lên 42.269 doanh nghiệp với số vốn đăng ký đạt 357.680 tỷ đồng<sup>7</sup>.

Công tác xúc tiến thương mại hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động hội chợ triển lãm, thương mại trong và ngoài nước bằng nguồn kinh phí quốc gia và địa phương được Tỉnh tổ chức thường xuyên và liên tục. Trong đó, một số hoạt động nổi bật như: tổ chức các đoàn doanh nghiệp tỉnh tham gia hơn 43 chương trình hội chợ, triển lãm trong nước và tổ chức trên 25 chương trình cho các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài<sup>8</sup>; tổ chức chương trình xúc tiến đầu tư tại các nước<sup>9</sup>; Chương trình hội thảo xúc tiến thương mại và du lịch Việt Nam tại Nam Phi; Hội nghị tuyên truyền về Cộng đồng kinh tế ASEAN – Định hướng phát triển đến năm 2025; tham dự hội nghị thượng đỉnh các thành phố Châu Á – Thái Bình Dương tại thành phố Daejeon (Hàn Quốc)...

- *Về xúc tiến du lịch*: Nhằm tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hình ảnh du lịch Bình Dương đến với du khách trong và ngoài nước, tỉnh đã xây dựng website [www.dulichbinhduong.org.vn](http://www.dulichbinhduong.org.vn), thực hiện ấn phẩm Du xuân Bình Dương năm 2019 và các ấn phẩm thông tin Du lịch Bình Dương. Thông qua các hoạt động xúc tiến du lịch, không những góp phần thúc đẩy ngành dịch vụ du lịch của tỉnh phát triển ổn định<sup>10</sup>, mà còn góp phần mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước ở khu vực, châu lục và đã thực sự trở thành một kênh quan trọng quảng bá hình ảnh về kinh tế, văn hóa, con người Bình Dương trên trường quốc tế.

#### **4. Đối với các ngành sản xuất, dịch vụ trong nước**

- *Về hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*: Sản xuất công nghiệp của Tỉnh tăng trưởng khá, chuyển dịch nội bộ ngành theo hướng tích cực. Báo cáo cho thấy bình quân giai đoạn 2011-2015 giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) tăng 15,7%; năm 2016 tăng 9,2%, năm 2017 tăng 9,8%, năm 2018 tăng 9,8%, năm 2019 tăng 9,86%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò quan trọng, Ngoài ra, một số ngành công nghiệp chủ lực như chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, da giày, dệt may, điện tử, hóa chất giữ

<sup>7</sup> Đính kèm Phụ lục 3, 4, 5.

<sup>8</sup> Gồm có các chương trình như: hội chợ nông sản và công nghiệp tại tỉnh Bến Tre, Cần Thơ, DakLak, Hưng Yên, Vĩnh Long, Hà Nội, Bình Thuận, Hồ Chí Minh, ...; Hội chợ Quốc tế Havana – Cuba, Hoa Kỳ, Đức, Singapore, một số nước Châu Âu, ... và khảo sát thị trường Cuba, các nước Trung Đông và vùng Caribe.

<sup>9</sup> Chương trình xúc tiến đầu tư tại: Nhật Bản, Hàn Quốc, Israel, Úc, New Zealand, Đức, Hà Lan, Ý, Pháp, Cộng hòa Síp, Phần Lan, Ba lan.

<sup>10</sup> Năm 2019 hoạt động kinh doanh du lịch Bình Dương ước phục vụ khoảng 5.150.000 lượt khách, đạt 100% kế hoạch, tăng 8,4% so với năm 2018 (4.750.000), doanh thu ước đạt 1.440 tỷ đồng, đạt 101,4% kế hoạch, tăng 5,9% so với năm 2018.



mức tăng trưởng ổn định và chiếm tỉ trọng cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Cụ thể:

- *Về hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản*: Với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Trong những năm qua ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thực hiện tốt công tác tái cơ cấu ngành và đảm bảo sự tăng trưởng hàng năm theo chủ trương của tỉnh. Số liệu cho thấy, bình quân giai đoạn 2011-2015 giá trị sản xuất ngành tăng 3,7%, trong đó: ngành nông nghiệp tăng bình quân 3,8%, lâm nghiệp tăng 5,8%, thủy sản giảm 6,4%. Bình quân giai đoạn 2016-2020 giá trị sản xuất ngành dự ước tăng 3,99%.

Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Chương trình hành động số 77-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ-TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và được xem là bước ngoặt trong phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch hành động số 388/KH-UBND, ngày 12/02/2014 về thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Bên cạnh đó, Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, văn bản, nội dung chỉ đạo liên quan đến khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm thúc đẩy tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực các yếu tố đầu vào trong sản xuất nông nghiệp; phát triển liên kết chuỗi giá trị sản phẩm đối với các ngành hàng có lợi thế so sánh, xây dựng các mối liên kết giữa các chủ thể chặt chẽ và sâu rộng.

Việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do góp phần thay đổi tư duy sản xuất giúp nâng cao chất lượng sản phẩm. Nổi bật là sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển nhanh, ổn định; đến cuối năm 2019 diện tích ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt khoảng 5.345 ha với các loại cây trồng có giá trị như: Rau, nấm, cây ăn trái, hoa lan, cây cảnh; Nông nghiệp đô thị khoảng 143,7 ha với các loại cây trồng chủ yếu như: Rau thủy canh, rau mầm, nấm, hoa lan, cây cảnh và hoa tết các loại.

- *Phát triển dịch vụ logistics*: Với vị trí địa lý thuận lợi và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ở mức cao so với cả nước. Bình Dương có tiềm năng rất lớn trong phát triển dịch vụ logistics. Tỉnh đã tập trung thực hiện tốt mục tiêu phát triển theo tinh thần của Chương trình số 24-CTr/TU ngày 16/08/2016 của Tỉnh ủy, giai đoạn 2016 - 2020 tập trung phát triển mạnh dịch vụ logistics thông qua

việc khuyến khích thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ này và đạt được một số thành công nhất định, đặc biệt trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ - đường thủy - đường sắt, kho bãi, bến thủy, xếp dỡ hàng hóa,... cũng như đủ năng lực cung cấp các dịch vụ logistics hiện đại ở cấp độ 3PL và 4PL<sup>11</sup>. Để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp logistics, Tỉnh vận động thành lập Hiệp hội Logistics tỉnh Bình Dương<sup>12</sup>, trong giai đoạn 2021 – 2025 sẽ phối hợp cùng Hiệp hội Logistics tỉnh nghiên cứu thực hiện 02 đề án: (1) Cắt giảm chi phí logistics của Bình Dương nhằm tăng tính cạnh tranh của hàng hóa trong nước và xuất khẩu; (2) Đề án đào tạo nguồn lao động chất lượng cao trong ngành dịch vụ logistics để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động logistics trên địa bàn tỉnh.

### **5. Đối với cán cân thương mại, cán cân thanh toán quốc tế, ngân sách nhà nước**

- *Tăng trưởng kinh tế*: Số liệu cho thấy, kinh tế Bình Dương luôn giữ vững tốc độ tăng trưởng qua các năm, giai đoạn 2016-2020, GRDP dự ước tăng bình quân 9,35%/năm. Tỷ trọng kinh tế của Tỉnh dự ước đến năm 2020 chiếm hơn 6% GDP cả nước, và là địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vai trò đầu tàu kinh tế của khu vực và cả nước. GRDP bình quân đầu người tăng liên tục qua các năm, gấp 1,3 lần năm 2015 và 2,3 lần so với cả nước<sup>13</sup>.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục duy trì tỷ trọng hợp lý, khu vực công nghiệp và dịch vụ giữ tỷ trọng lớn trong GRDP. Các ngành dịch vụ phát triển đúng định hướng, đạt kết quả cao về quy mô lẫn năng suất, chất lượng; xu hướng sắp tới, Tỉnh tập trung phát triển tăng tỷ trọng dịch vụ đúng với lợi thế đặc biệt các loại hình như dịch vụ kinh doanh, tư vấn; nghiên cứu triển khai; tài chính, ngân hàng; phân phối; logistics... góp phần phục vụ công nghiệp phát triển.

- *Về thu ngân sách*: Qua giám sát cho thấy, thu ngân sách tỉnh qua các năm luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Tỉnh luôn tập trung nuôi dưỡng nguồn thu thông qua các hoạt động hỗ trợ về xúc tiến đầu tư, thương mại, hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo<sup>14</sup>; công tác cải cách hành chính, cho vay kích cầu nhằm thúc đẩy sản xuất - kinh doanh. Tốc độ tăng thu ngân sách

<sup>11</sup> Kế hoạch số 3905/KH-UBND ngày 31/12/2012 về việc phát triển dịch vụ logistics của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai dịch vụ logistics của tỉnh đến năm 2025 do UBND tỉnh ban hành.

<sup>12</sup> Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 về việc cho phép thành lập Hiệp hội logistics tỉnh Bình Dương và chính thức đi vào hoạt động với 24 hội viên.

<sup>13</sup> Đính kèm Phụ lục 6.

<sup>14</sup> Báo cáo số 14/BC-SKHCN ngày 17/03/2020 của Sở KHCN.

nhà nước giai đoạn năm 2016 - 2019 tăng bình quân 10,9%, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh.

Tuy nhiên, sau khi các FTA có hiệu lực, cam kết lộ trình giảm thuế tác động nhất định đến nguồn thu ngân sách của Tỉnh. Mặc dù vẫn đảm bảo tăng thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu từ năm 2015 đến 2019, nhưng tỉ trọng giảm từ 29% năm 2015 xuống 27% năm 2019; tốc độ tăng thu xuất nhập khẩu bình quân giai đoạn 2016-2019 cũng thấp hơn thu từ nội địa (9,2% so với 11,6%)<sup>15</sup>.

## **6. Đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, chính sách cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm công**

- *Về lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT)*: UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện phổ biến Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật SHTT, các chính sách, quy định của Tỉnh thông qua các chương trình phỏng vấn, thời sự, tiêu điểm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (trung bình 17 lượt/1 năm),... Năm 2019, UBND tỉnh đã phối hợp Cục SHTT tổ chức tập huấn và tổng quan về các FTA và một số cam kết về SHTT trong Hiệp định CPTPP và EVFTA. Kết quả thực thi quản lý nhà nước về quyền SHTT: đã kiểm tra và xử lý 439 vụ (Khởi tố, kết luận chuyển Viện Kiểm sát đề nghị truy tố 06 vụ; Đương sự rút đơn và thỏa thuận giữa hai bên 18 vụ; Xử lý phạt vi phạm hành chính 332 vụ, với số tiền 5.479.181.000 đồng. Số hàng hóa tịch thu có trị giá 9.192.053.000 đồng; Phạt cảnh cáo 16 vụ, Không xử phạt 02 vụ. Kết quả Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh: đã thực hiện hỗ trợ cho 526 tổ chức, cá nhân đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp với tổng số tiền 1.305.358.000 đồng.

- *Về lao động*: Trong thời gian qua, thị trường lao động của Tỉnh có nhiều cải thiện: chất lượng cung lao động, tính cạnh tranh của lực lượng lao động tăng lên, cơ cấu cầu lao động chuyển dịch tích cực. Cùng với sự phát triển mạnh của ngành công nghiệp, Tỉnh đã thu hút lượng lớn lao động từ các địa phương khác trên cả nước. Bình quân giai đoạn 2011-2015 số lượng lao động tăng 6,3%, giai đoạn 2016-2019 tăng 3,2%, riêng năm 2019 số lượng lao động đạt 1.131.309 lao động, tăng 4,2% so với năm 2018. Tuy số lượng và chất lượng lao động có tăng qua các năm, nhưng hầu hết chỉ là lao động phổ thông; Lao động người nước ngoài có khoảng 13.000 lao động thuộc nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau chủ yếu là đội ngũ chuyên gia của Doanh nghiệp FDI. Đội ngũ lao động có kỹ năng thực hành, nhân lực chất lượng cao chưa nhiều, nhân lực còn thiếu kỹ năng mềm như ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp,

<sup>15</sup> Đính kèm Phụ lục 7.

tác phong công nghiệp và tránh nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong khi số lượng lao động đào tạo hàng năm chưa đáp ứng đủ nhu cầu của các doanh nghiệp.

Xác định cơ hội đan xen cùng những khó khăn, thách thức trong tổ chức hoạt động công đoàn sau khi Việt Nam ký kết tham gia Hiệp định CPTPP. Tỉnh đã có nhiều đổi mới trong tổ chức và hoạt động công đoàn<sup>16</sup>, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Tăng cường tuyên truyền, định hướng cho người lao động về CPTPP, nhất là vấn đề về tổ chức đại diện của người lao động ngoài hệ thống Công đoàn Việt Nam; tăng cường đối thoại công khai với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí định kỳ. Nhìn chung, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chính sách lương, thưởng, phúc lợi; Các thỏa ước lao động tập thể được ký kết với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động. Số vụ tranh chấp lao động tập thể giảm qua các năm<sup>17</sup>.

- *Về môi trường*: Công tác bảo vệ môi trường có bước chuyển biến rõ rệt và đạt kết quả nhất định. Tỉnh đã bổ sung các yêu cầu về bảo vệ môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hạn chế cấp phép đầu tư bên ngoài khu, cụm công nghiệp, các dự án gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều lao động<sup>18</sup>; Tỉnh tập trung nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đảm bảo 100% các dự án đầu tư mới và 100% các khu, cụm công nghiệp khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý và bảo vệ môi trường; Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải có lưu lượng lớn thông qua hệ thống quan trắc nước thải tự động, camera quan sát và thiết bị lấy mẫu tự động. Ngoài ra, Tỉnh tập trung để xử lý dứt điểm các cơ sở nằm trong danh sách gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đạt tỷ lệ 100%; Thực hiện công trình, dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, dự án xử lý chất thải rắn theo kế hoạch bảo vệ môi trường 5 năm của tỉnh; triển khai thực hiện thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; từ đó chất lượng các thành phần môi trường được cải thiện.

## **7. Đối với cải cách thể chế**

### **a) Cải cách thể chế:**

Cải cách thể chế là một trong những cam kết quan trọng được đề cập trong các FTA thế hệ mới (CPTPP và EVFTA). Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy và UBND tỉnh

<sup>16</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.264 tổ chức công đoàn cơ sở được thành lập trong các khu, cụm công nghiệp, với 410.479 đoàn viên.

<sup>17</sup> 18 doanh nghiệp (DN): 16 DN FDI (Đài Loan: 07, Trung Quốc: 03, Hàn Quốc: 02, còn lại một số nước khác như: Nhật, Hong Kong...) và 02 DN trong nước;

<sup>18</sup> Từ năm 2015 đến nay, tỉnh đã từ chối không tiếp nhận 488/943 dự án đầu tư ngoài khu, cụm công nghiệp không đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường, chiếm tỷ lệ 51,7%.

đã cụ thể hóa và triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, đúng theo tinh thần của Trung ương. Cụ thể:

- *Công tác xây dựng và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*: Các ngành, các cấp nghiêm túc triển khai kịp thời các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, phát hiện văn bản hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với văn bản mới được ban hành; Công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được Tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời và đạt chất lượng, hiệu quả cao<sup>19</sup>.

- *Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật*: Báo cáo cho thấy, các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp đã thực hiện kiểm tra 30 văn bản, đạt 100% văn bản được gửi đến. Qua kiểm tra không phát hiện văn bản có sai sót.

### **b) Công tác cải cách hành chính**

Bình Dương là một trong những tỉnh đi đầu trong công tác cải cách thủ tục hành chính; các hoạt động về kiểm soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên; Kiến nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa, cắt giảm hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính không thật sự cần thiết, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính sau khi công bố được công khai, minh bạch đã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công. Kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh từng bước được hoàn thiện, tác động tích cực vào hoạt động quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Tỉnh tập trung hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ổn định tăng trưởng kinh tế, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện cập nhật TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia ([dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn)); Thành lập Trung tâm hành chính công<sup>20</sup> trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh để tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa; triển khai tổng đài 8283 và tư vấn TTHC miễn phí và dịch vụ thanh toán phí, lệ phí qua ngân hàng; Triển khai mạnh mẽ Đề án xây dựng thành phố thông minh Bình Dương; nâng cấp, hoàn thiện và thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, như phần mềm quản lý văn bản có tích hợp chữ ký số, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm đánh giá cán bộ, công chức... Bên

<sup>19</sup> Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh.

<sup>20</sup> Tính đến năm 2019, tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa là 762 nhân sự (bao gồm nhân sự chính thức, dự phòng), trong đó, Trung tâm Hành chính công tỉnh là 91 nhân sự; huyện, thị xã, thành phố là 136 nhân sự và xã, phường, thị trấn là 535 nhân sự.

cạnh đó, Tỉnh đã tập trung thực hiện việc nâng cao các chỉ số đánh giá cấp địa phương, tạo động lực cho hoạt động đầu tư, kinh doanh chuyển biến mạnh mẽ, luôn đứng trong nhóm các tỉnh thành, phổ thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất cả nước<sup>21</sup>.

### **c) Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy nhà nước**

- *Đối với khối các cơ quan quản lý nhà nước:* Qua giám sát nhận thấy, Tỉnh đã chấp hành và triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của 18/18 sở, ngành; kết quả đã giảm 22 phòng (thuộc 18 Sở) và 03 chi cục còn 109 phòng và 13 chi cục (giảm 03 chi cục. Hiện nay, tỉnh đang trình Thủ tướng Chính phủ về đề án sáp nhập Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương.

- *Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung sắp xếp đổi mới tổ chức hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập theo Kế hoạch số 4651/KH-UBND ngày 02/10/2018; kết quả, đã giải thể các đơn vị: Trường trung cấp nghề Khu công nghiệp, Trung tâm Tư vấn dịch vụ dân số kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên. Sáp nhập hợp nhất 03 trung tâm y tế tuyến tỉnh; sáp nhập 06 đơn vị sự nghiệp văn hóa còn lại 03 đầu mối; sáp nhập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học bồi dưỡng nghiệp vụ vào Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; sáp nhập 01 trường THCS vào Trường THPT (huyện Dầu Tiếng); kiện toàn (sáp nhập, giải thể) cơ cấu tổ chức thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương; tiếp tục trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề án sáp nhập Trường Trung cấp nghề thị xã Dĩ An và thị xã Tân Uyên vào Trường Cao đẳng nghề Việt - Singapore và Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương.

## **8. Về chính sách an sinh xã hội**

- *Giải quyết việc làm và đào tạo nghề:* Tỉnh đã chú trọng các giải pháp hỗ trợ người lao động nhanh chóng tham gia thị trường lao động, đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm thông qua nhiều hình thức như tổ chức các ngày hội việc

<sup>21</sup> Kết quả, Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh PCI trong giai đoạn từ năm 2010 - 2018 của tỉnh Bình Dương liên tục được cải thiện về điểm số và cả thứ hạng, riêng năm 2018 thì Bình Dương đứng thứ 6/63 tỉnh, đạt 66,09 điểm; về Chỉ số cải cách thủ tục hành chính năm 2018 PAR INDEX 2018, Bình Dương đứng thứ 15/63 tỉnh, đạt 79,00 điểm, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 (SIPAS 2018), tỉnh Bình Dương đạt 85,03%.

làm, sàn giao dịch việc làm, hỗ trợ vay vốn tự tạo việc làm, gắn kết giữa đào tạo nghề với giải quyết việc làm. Thông qua các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và các chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với các nước góp phần giải quyết việc làm, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

- *Giáo dục - đào tạo*: Ngành giáo dục đã tập trung để phát huy, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập từ cấp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đến các cấp trung học phổ thông. Chú trọng rà soát, đổi mới đào tạo nghề theo nhu cầu; nghiên cứu đào tạo những ngành mà xã hội quan tâm, giải quyết được bài toán thiếu hụt nguồn lao động chất lượng cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại, đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên. Mở rộng quan hệ hợp tác giữa các trường đại học, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nổi bật là việc các trường đại học như: Đại học Thủ Dầu Một, Đại học Bình Dương, Đại học Quốc tế Miền Đông đăng cai tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức các cuộc thi, giao lưu giữa các trường đại học trên thế giới<sup>22</sup>; Tham dự các buổi hội thảo ở nước ngoài, mời các giảng viên từ các trường đại học lớn trong nước và quốc tế đến giảng dạy<sup>23</sup>. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt là giáo dục mầm non tại các khu vực đông dân cư như các khu, cụm công nghiệp.

- *Phát triển nguồn nhân lực*: Căn cứ Chương trình số 20-CTr/TU ngày 09/08/2016 của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cấp chính quyền ban hành các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng đặc biệt là chương trình Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học – kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh giai đoạn 2017 – 2020 nhằm hướng đến việc đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ có trình độ cao trong các lĩnh vực hành chính công, quy hoạch - xây dựng, luật thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng đã thực hiện nhiều chương trình đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý với mục tiêu bồi dưỡng những kiến thức cơ bản cho cán bộ công chức và cán bộ lãnh đạo quản lý trong các doanh nghiệp như: Tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức

<sup>22</sup> Tổ chức các buổi hội thảo: Hội thảo thành phố Thông minh Bình Dương; Diễn đàn Hiệu trưởng các trường Đại học WTA lần thứ 10; Công tác xã hội và an ninh xã hội trong bối cảnh Công đồng ASEAN: Hội nhập và phát triển bền vững,...

<sup>23</sup> Trường trình trao đổi giảng dạy với: ĐH Quốc gia Belarus, Tiến sĩ Ryzeuski Stanislaw, ĐH Quốc gia Saint Peterburg; ĐH Chosun, ĐH Văn hóa Trung Quốc – Đài Loan, Giám đốc Vasilev Aleksei giảng dạy hệ thống nhúng tự động và điều khiển,... Bình Dương đã cử 13 giáo viên đi học ở Nhật Bản, Trung Quốc, Úc, Hàn Quốc, Thái Lan trong đó có 03 cao học, 7 nghiên cứu sinh.

về các Hiệp định thương mại song phương, đa phương<sup>24</sup>; đào tạo kiến thức về thương mại điện tử<sup>25</sup>; cử cán bộ đi đào tạo nghiệp vụ lễ tân đối ngoại; hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý cho các doanh nghiệp bằng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương<sup>26</sup>.

*- Bảo đảm an sinh xã hội:*

+ Công tác bảo đảm an sinh xã hội được tỉnh quan tâm chỉ đạo và được các cấp, các ngành sâu sát, thực hiện. Tỉnh đã tập trung thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số trong tình hình mới; triển khai nhiều giải pháp nâng cao hoạt động của tuyến y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường ở các tuyến; cơ sở hạ tầng, thiết bị, nhân lực ngành y tế được quan tâm đầu tư; tăng cường chuyển giao, áp dụng phương pháp kỹ thuật mới; đẩy mạnh phát triển cơ sở y tế ngoài nhà nước<sup>27</sup>. Ngoài ra, Tỉnh đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở chế biến.

+ Công tác đền ơn đáp nghĩa được Tỉnh quan tâm thực hiện nghiêm túc, thể hiện tính nhân văn sâu sắc và tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, mặc dù hàng năm số lượng tăng liên tục do người dân từ các tỉnh đến Bình Dương sinh sống và làm việc, trong đó không ít gia đình thuộc đối tượng này. Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em, thực hiện bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội đã có những chuyển biến tích cực. Năm qua, tỉnh đã huy động 986 tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn để chăm lo các đối tượng; xây dựng, sửa chữa 30 căn nhà tình nghĩa và 120 căn nhà đại đoàn kết, với tổng kinh phí hơn 9 tỷ đồng; bàn giao 44 căn nhà ở xã hội (tổng số tiền 6,4 tỷ đồng) cho người có công; hoàn thành công tác điều tra hộ nghèo theo bộ tiêu chí giai đoạn 2018-2020, hiện tỉnh có 3.808 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 1,31%) và 2.790 hộ cận nghèo (chiếm tỉ lệ 0,96%) theo tiêu chí đa chiều của tỉnh.

*- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:*

<sup>24</sup> Cụ thể trong giai đoạn 2016 – 2018, tổ chức 08 chương trình hội thảo phổ biến kiến thức về các hiệp định thương mại tự do như: hiệp định CPTPP, Hiệp định Việt Nam – EU, Cộng đồng kinh tế ASEAN, ... với sự tham gia của hơn 800 lượt doanh nghiệp và các bộ quản lý tại địa phương.

<sup>25</sup> Kế hoạch 304/KH-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2020.

<sup>26</sup> Theo Quyết định 36/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 về Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương (theo các nội dung và mức chi theo Thông tư 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương) và Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Bình Dương đến năm 2020.

<sup>27</sup> Toàn tỉnh có 03 bệnh viện tuyến tỉnh, 02 bệnh viện ngành, 9 trung tâm y tế huyện, 19 phòng khám đa khoa khu vực, 91 trạm y tế và 12 bệnh viện tư nhân, 46 phòng khám đa khoa tư nhân, 580 phòng khám chuyên khoa và 2.000 cơ sở hành nghề được. Đến nay tỷ lệ 23 giường/ vạn dân, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 87,95%.



Công tác tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao tiếp tục được Tỉnh đẩy mạnh với nội dung, hình thức phong phú và đa dạng; trọng tâm là các hoạt động lễ, tết và chào mừng các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng của tỉnh và cả nước Bên cạnh đó, các đơn vị có liên quan hàng năm đã tổ chức hơn 142 hoạt động nghệ thuật phục vụ công nhân vùng xa, công nhân xa quê tại các khu – cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **IV. Khó khăn, thách thức, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên**

##### **1. Khó khăn, hạn chế, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia các FTA**

Địa phương là cấp thực thi các FTA, do đó việc đánh giá chỉ tập trung vào vấn đề tổ chức thực hiện, cam kết theo quy định. Việc ban hành chính sách, văn bản pháp luật và nội địa hóa các điều ước quốc tế thuộc trách nhiệm của các cơ quan Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành. Đoàn giám sát nhận thấy trong quá trình triển khai các FTA tại địa phương nổi lên một số vướng mắc, hạn chế chủ yếu như sau:

**Thứ nhất**, việc nhận thức và hiểu biết đầy đủ nội dung các FTA tại địa phương còn hạn chế do các FTA nói chung và FTA thế hệ mới nói riêng có phạm vi rộng và phức tạp. Các FTA khi đàm phán hầu hết ít được tham vấn, lấy ý kiến của địa phương và Hội/Hiệp hội ngành hàng và chỉ biết đến sau khi được ký kết và công bố. Các Hiệp định mang tính chất quốc tế, diễn đạt có phần khó hiểu với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, không có bộ phận pháp chế chuyên nghiệp cũng như đội ngũ hỗ trợ, tư vấn pháp luật. Trong khi đó, đa số cán bộ phụ trách hội nhập quốc tế là cán bộ kiêm nhiệm, không được đào tạo/tiếp cận bài bản trong lĩnh vực này, nên việc triển khai phụ thuộc nhiều vào các cán bộ đàm phán cấp Bộ hoặc các chuyên gia (số lượng khá hạn chế).

Thông tin được phổ biến thông qua kênh báo đài, internet, các hội thảo/hội nghị tập huấn và một số ấn phẩm về các FTA được phổ biến rất sớm nhưng phần lớn còn chung chung, chưa cụ thể; Các sự kiện hội thảo/hội nghị được triển khai khá nhiều nhưng nội dung phổ biến chỉ mang tính tổng quan do thời lượng hạn chế; các khóa tập huấn chuyên sâu chưa được triển khai nhiều do thiếu đội ngũ chuyên gia. Các ấn phẩm về các FTA, về hội nhập hoặc cho từng ngành hàng/thị trường còn ít, chưa phổ biến cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Một số doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp không có giao thương quốc tế chưa quan tâm đến các FTA<sup>28</sup>. Các FTA thông

<sup>28</sup> Báo cáo của Hiệp hội cơ điện và Hiệp hội chế biến gỗ Bình Dương.

thường liên quan nhiều đến hoạt động xuất nhập khẩu, các tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh, thể chế... nên chỉ thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp lớn, chủ yếu là Doanh nghiệp FDI hoặc có nhu cầu xuất khẩu, trong khi việc thực thi FTA chưa gắn liền với lợi ích và hoạt động hàng ngày của đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa (hay ít nhất chưa tác động trực tiếp). Phần lớn các Hội/Hiệp hội ở địa phương còn hạn chế về năng lực, khả năng kết nối nên chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ được các doanh nghiệp tiếp cận thông tin hội nhập chuyên ngành.

**Thứ hai**, sự tham gia hạn chế của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) vào các FTA. Tham gia FTA tạo ra sân chơi bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong khu vực mậu dịch tự do, dẫn đến thách thức lớn về năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Hầu hết các SMEs chỉ quan tâm đến các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, ít chú ý đến các vấn đề vĩ mô, hội nhập. Trong khi một số doanh nghiệp lớn hay doanh nghiệp FDI có bộ phận chuyên trách về nghiên cứu thị trường hoặc có khả năng tài chính tham gia sâu và nắm bắt các cơ hội rất tốt từ FTA, thì các SMEs hầu như không có khả năng này. Không những thế, các SMEs dù tham gia cũng chỉ một công đoạn rất ngắn của chuỗi cung ứng (phần lớn gia công), do đó ít có cơ hội thụ hưởng các ưu đãi lớn từ FTA. Mặc khác, một số ngành như dệt may có nền công nghiệp hỗ trợ yếu, không cung cấp đủ nguyên phụ liệu cho sản xuất, chủ yếu nhập khẩu nên tỷ lệ hưởng ưu đãi (như Hiệp định CPTPP) còn rất thấp do không đảm bảo về yêu cầu xuất xứ, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm. Các FTA có hiệu lực đã thu hút nhiều doanh nghiệp FDI đầu tư sản xuất và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh, nhưng kết nối với SMEs vào chuỗi sản xuất còn yếu và chưa cải thiện được.

Mặt khác, khi tham gia các FTA nhất là các FTA thế hệ mới, để hàng hóa xuất khẩu được hưởng thuế ưu đãi, doanh nghiệp cần đáp ứng yêu cầu không chỉ về xuất xứ, mà còn đảm bảo các tiêu chuẩn rất cao trong sản xuất kinh doanh (sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường,...). Nhiều SMEs không đảm bảo các tiêu chuẩn này đồng thời cũng không đủ nguồn lực để đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn mới, do đó rất cần sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp lớn và các chính sách phát triển từ Nhà nước.

**Thứ ba**, các hoạt động hỗ trợ của địa phương chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu hội nhập đa dạng của các doanh nghiệp và các ngành. Hỗ trợ hội nhập chính là hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có hiệu lực nhưng để đảm bảo điều kiện được hưởng chính sách thì còn nhiều việc phải hoàn thiện. Địa phương cũng đã có nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (xúc tiến thương mại, đổi mới công nghệ, đầu tư các ngành/lĩnh vực ưu tiên, đào tạo nguồn nhân lực, cải cách thủ tục,...), nhưng sự phối hợp còn thiếu đồng bộ giữa các ngành, chia cắt theo lĩnh vực quản lý, dẫn

đến hiệu quả chưa cao. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp đề nghị cần làm tốt công tác quản lý thị trường, chống hàng gian, hàng giả, hàng lậu đảm bảo thị trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp chân chính.

Trong quá trình hội nhập và thực thi các FTA, vai trò hỗ trợ của các Hội/Hiệp hội doanh nghiệp ngành nghề ngày càng quan trọng. Mặc dù năng lực đã được nâng lên, nhưng nhiều Hội còn yếu, chưa đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu hỗ trợ đặc thù của hội viên và doanh nghiệp trong ngành dẫn đến khó thu hút Hội viên tham gia. Các chương trình hỗ trợ của Nhà nước chủ yếu vẫn thông qua các Sở, ban, ngành, chưa trực tiếp thông qua các Hội/Hiệp hội nên một số hoạt động chưa được gắn kết với nhu cầu thực tế.

*Thứ tư*, các Bộ ngành kết nối và hỗ trợ cho địa phương rất tích cực, nhưng chưa đủ.

Nhu cầu hỗ trợ thực thi các FTA của các doanh nghiệp/ngành nghề và cán bộ công chức viên chức địa phương rất lớn, nhưng phương thức để triển khai thực hiện FTA được các Bộ, ngành triển khai chưa tương xứng, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao. Hiện đang tồn tại một “khoảng trống” khá lớn giữa công tác đàm phán, ký kết các FTA của các Bộ ngành với công tác thực thi FTA tại các địa phương và đối tượng thụ hưởng là các doanh nghiệp. Nhiều FTA thiếu các hướng dẫn triển khai chi tiết; địa phương không được hướng dẫn rõ ràng nội dung nào có thể áp dụng trực tiếp, nội dung nào chờ nội luật hóa để từ đó có định hướng tuyên truyền, phổ biến cho doanh nghiệp áp dụng thực hiện (các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn).

Các hội thảo, tập huấn do Bộ ngành tổ chức rất cần thiết và bổ ích, nhưng còn hạn chế về thời gian lẫn nội dung. Cần nhiều hình thức phổ biến hơn nữa để FTA được lan tỏa nhanh chóng, đặc biệt là các ấn phẩm hoặc các ứng dụng trên thiết bị di động giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng.

Các công trình nghiên cứu tầm quốc gia và Vùng, địa phương về đánh giá, dự báo tác động của FTA đến các nhóm đối tượng và các ngành còn hạn chế vì đây là cơ sở lý luận để vừa làm luận cứ cho các đàm phán tiếp theo, vừa giúp các doanh nghiệp và các ngành sớm chuẩn bị ứng phó với các tác động tiêu cực hay tận dụng cơ hội từ các FTA.

## **2. Nguyên nhân, trách nhiệm**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Các FTA bản chất là các văn bản pháp luật tuân theo điều ước quốc tế, với nội dung và hình thức văn phong chặt chẽ, nhưng lại tương đối khó hiểu và khó áp dụng đối với đa số các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và

vừa hay cấp thực thi tại cơ sở. Hoạt động “chuyển tải” nội dung FTA đến đối tượng thụ hưởng chưa đủ và còn khá chung chung.

- FTA đòi hỏi doanh nghiệp tuân thủ các điều kiện và cam kết chung, ít nhất là cạnh tranh bình đẳng ở cấp độ khu vực; trong khi nền kinh tế địa phương nói chung và nhiều doanh nghiệp (trong nước), nhất là các SMEs còn hạn chế, yếu kém, cần có thời gian thích nghi cũng như động lực để tự cải thiện vươn lên.

- Chính sách hỗ trợ hội nhập chưa nhất quán và đồng bộ. Mặc dù doanh nghiệp rất cần sự hỗ trợ từ cơ quan chức năng cũng như bố trí nguồn lực đủ lớn cho các hoạt động này, nhưng ngân sách và nhân lực lại rất hạn chế và thiếu đồng bộ ở các cấp, từ đó giảm hiệu quả thực hiện các FTA.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Trong bối cảnh tinh giảm biên chế, đa số các địa phương không có cơ quan chuyên trách về hội nhập kinh tế quốc tế, mà giao Sở Công Thương kiêm nhiệm. Ngoài ra, công tác đào tạo, huấn luyện định kỳ chưa được quan tâm thường xuyên dẫn đến năng lực của cán bộ, công chức phụ trách còn hạn chế;

- Các chương trình, kế hoạch và báo cáo về công tác hội nhập kinh tế cũng như một số hoạt động truyền thông tương đối nhiều nhưng nội dung còn lỏng lẻo, chưa tách bạch với hoạt động điều hành kinh tế - xã hội, dẫn đến việc triển khai còn mang nặng tính hành chính, hiệu quả chưa cao;

- Tính chủ động của các doanh nghiệp chưa thật sự cao đi cùng với nhiều rào cản và hạn chế như đã phân tích ở trên; trong khi việc hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức cũng như các chính sách hỗ trợ đồng bộ còn yếu, thiếu, nhất là các Hội/Hiệp hội ngành nghề mạnh, đủ năng lực;

## **V. Đánh giá chung tác động của các FTA và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**

### **1. Đánh giá tác động tổng thể đối với kinh tế - xã hội của địa phương; đánh giá những thuận lợi, khó khăn, thách thức đối với địa phương khi Việt Nam tham gia các FTA; nhu cầu, xu hướng tham gia các FTA trong tương lai.**

Trong những năm qua, cùng với hội nhập ngày càng sâu, rộng vào kinh tế quốc tế, ngành công nghiệp, dịch vụ của Tỉnh đã có bước phát triển mạnh, góp phần chung vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bình quân giai đoạn 2011-2015 tổng sản phẩm trong tỉnh (GDRP) tăng 8,3%; giai đoạn 2016-2020 dự ước tăng 9,35%. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao, nông nghiệp ngày càng giảm tỉ trọng nhưng vẫn đảm bảo tăng trưởng.

- Ngành thương mại phát triển theo hướng hiện đại, nhất là thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân. Hệ thống phân phối hiện đại đã phát triển về số lượng và chất lượng, gia tăng lưu thông hàng hóa và thúc đẩy sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu tăng khá, đứng thứ 4 cả nước, xuất siêu tăng dần qua các năm. Cơ cấu hàng xuất khẩu chuyển dịch theo hướng sản phẩm chế biến tiếp tục được nâng lên, nhóm hàng công nghiệp chiếm 80,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu đa dạng, không lệ thuộc một thị trường, một đối tác.

- Ngành công nghiệp của tỉnh luôn đạt mức tăng trưởng bình quân 9,5%/năm, trở thành một những tỉnh phát triển công nghiệp đứng đầu cả nước. Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm tăng qua các năm; bước đầu đã hình thành được mạng lưới các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, tham gia ngày càng sâu, rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng hiện đại, tập trung vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học. Hợp tác xã nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi; đã xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Châu Âu.

- Môi trường đầu tư, các chính sách khuyến khích phát triển của nhà nước được hoàn thiện, từ đó đã huy động tốt hơn các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế. Hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư được triển khai mạnh mẽ, góp phần thu hút vốn đầu tư, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao.

- Thu ngân sách tỉnh đã đạt được kết quả cao, luôn hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, thu ngân sách bị ảnh hưởng do lộ trình cắt giảm thuế quan dẫn đến tốc độ tăng thu bình quân từ xuất nhập khẩu có xu hướng tăng chậm lại trong tổng thu của tỉnh.

## **2. Bài học kinh nghiệm.**

- *Cần đảm bảo tính đồng bộ* chủ trương cam kết thực hiện các FTA. Cơ hội cho các Doanh nghiệp là rất rõ ràng, nhưng nếu không thực hiện xuyên suốt và đồng bộ từ Trung ương (từ công tác đàm phán đến phê duyệt và ban hành chính sách) đến cấp địa phương và doanh nghiệp (thực thi), thì hiệu quả mang lại sẽ rất hạn chế dẫn đến thách thức và khó khăn ngày một tăng lên. Mặt khác, để công tác thực thi FTA ở cấp địa phương đạt hiệu quả rất cần thông tin hỗ trợ thông suốt từ Bộ ngành, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh mới, kể cả các hoạt động xúc tiến thị trường có FTA và các hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho Doanh nghiệp và chính sách về bảo hộ sản xuất trong nước.

- Các doanh nghiệp là đối tượng chịu tác động lớn nhất khi tham gia FTA, tuy nhiên một số Doanh nghiệp chỉ trông chờ vào sự hỗ trợ từ phía Nhà nước không tự chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư từ thị trường nên việc nắm bắt cơ hội trên thực tế còn thấp. Hỗ trợ của Nhà nước chỉ là bước khởi động, hướng dẫn ban đầu, còn Doanh nghiệp phải tích cực vận động, tìm hiểu rõ và hành động ngay.

- *Phương thức tổ chức triển khai thực hiện các FTA và hội nhập kinh tế quốc tế*: Tỉnh Bình Dương không có cơ quan chuyên trách mà chủ yếu giao cho Sở Công Thương kiêm nhiệm. Công tác đào tạo huấn luyện định kỳ chưa được quan tâm dẫn đến năng lực của bộ máy không chuyên trách tại địa phương còn hạn chế. Để chủ động liên hệ với các chuyên gia, các Bộ ngành và nắm bắt nhu cầu doanh nghiệp mới có thể tổ chức các hoạt động hiệu quả, Tỉnh cần có một cơ quan chuyên trách về Hội nhập Kinh tế quốc tế. Kinh nghiệm cho thấy cần phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn (với các ngành nghề, thị trường khác nhau), từ đó mới xây dựng các chương trình hoạt động hỗ trợ phù hợp cả về nội dung lẫn hình thức. Xu hướng các doanh nghiệp ngày càng cần thông tin rất cụ thể (làm gì), chứ không dừng lại ở các thông tin phổ biến mang tính chung chung.

- Về cơ bản và lâu dài, cần tập trung *cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp*, xây dựng và kiểm soát chuỗi giá trị trong sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao các tiêu chuẩn, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, chủ động kết nối Doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI và thị trường có FTA. Như vậy mới nâng cao hiệu quả thực thi các FTA trong giai đoạn tới.

## **VI. Đề xuất, kiến nghị tăng cường hiệu quả của các FTA mà Việt Nam là thành viên**

**Qua kết quả thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Đoàn giám sát kiến nghị một số vấn đề như sau:**

### **1. Đối với Quốc hội**

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ theo hướng ngày càng tuân thủ cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, đảm bảo các cam kết khi tham gia FTA.

- Xác định rõ các nguyên tắc thực hiện các FTA nói riêng và các Điều ước quốc tế nói chung khi Quốc hội tiến hành thông qua, trong đó phân định rõ nội dung nào có thể áp dụng trực tiếp, nội dung nào cần chờ luật hóa và hướng dẫn thi hành.

- Bố trí nguồn lực, nhất là ngân sách kịp thời, đầy đủ và ưu tiên cho công tác triển khai FTA, từ Bộ ngành đến địa phương.

### **2. Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương**

Chính phủ cần tập trung hướng dẫn, triển khai thực hiện các FTA đã có hiệu lực thi hành cần nhiều giải pháp đồng bộ như:

- Triển khai thực hiện rà soát các văn bản do Trung ương ban hành ngay khi các điều ước quốc tế được ký kết; sớm công bố các danh mục đã được rà soát. Vì đây là căn cứ quan trọng để các địa phương triển khai công tác rà soát văn bản do mình ban hành nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

- Các Bộ, ngành tập trung tổ chức biên soạn các ấn phẩm chi tiết và giải thích rõ ràng các nội dung cốt lõi của các FTA (có thể giao cho các Viện, Trường và các chuyên gia, nhưng phải thống nhất về giải thích nội dung, chú trọng tính ứng dụng vào thực tiễn có lợi cho doanh nghiệp).

- Bố trí đủ chuyên gia cho các hoạt động tập huấn, tuyên truyền. Đề xuất sớm triển khai các chương trình đào tạo báo cáo viên về hội nhập quốc tế, tránh phụ thuộc quá nhiều vào các chuyên gia của Bộ ngành tạo tính chủ động cho địa phương trong công tác tuyên truyền. Ví dụ tập huấn về quy tắc xuất xứ hiện nay rất ít báo cáo viên có đủ năng lực thực hiện, trong khi đây lại là điểm nút để thực thi và tận dụng hiệu quả các FTA.

- Xây dựng và kết nối mạng lưới các đầu mối về hội nhập kinh tế quốc tế và thực thi FTA từ trung ương đến địa phương; có cơ chế cung cấp, cập nhật thông tin, tổ chức tập huấn riêng cho cán bộ hội nhập tại địa phương; giao ban định kỳ (có thể trực tuyến) với các chủ đề về hội nhập.

- Công tác triển khai kế hoạch thực hiện các FTA cần sự tham gia của nhiều cơ quan, ban ngành các cấp, cho nên việc tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp là rất cần thiết, đồng thời chú trọng liên kết chặt chẽ với các Hội/Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp để đảm bảo tính thiết thực của chương trình.

- Trong thời gian tới, ngoài tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến và hướng dẫn chuyên sâu về các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên, cần chú trọng tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại đối với từng thị trường xuất khẩu, từ đó có định hướng phát triển thị trường một cách phù hợp, đạt hiệu quả cao.

- Triển khai quyết liệt việc xây dựng hàng rào thương mại phi thuế quan để kiểm soát chất lượng hàng nhập khẩu, các biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa; bảo vệ ngành nghề sản xuất hợp pháp trong nước.

### ***3. Đối với doanh nghiệp/hiệp hội ngành nghề/người lao động/người dân***

Với vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với nhà nước, là cơ quan đại diện cho ngành, cho doanh nghiệp hội viên; các hiệp hội ngành hàng cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp hội viên tiếp cận, phổ biến thông tin hội nhập kinh tế quốc tế, thông tin chuyên ngành, đặc biệt vai trò nắm thông tin về nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp hội viên, của ngành hàng về hội nhập kinh tế quốc tế và có phản ánh kịp thời đến cơ quan chuyên trách về hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh, giúp xây dựng các chương trình, hoạt động hỗ trợ hiệu quả, phù hợp đối với từng ngành hàng, từng doanh nghiệp trong Hiệp hội.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương” của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- ĐGS của UBND tỉnh (để b/c);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH (để b/c);
- Các thành viên ĐGS theo QĐ17;
- Các đơn vị phối hợp GS theo QĐ17;
- Các vị ĐBQH;
- Vụ hoạt động giám sát, VPQH;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VP, HN.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
KT. TRƯỞNG ĐOÀN  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Phạm Trọng Nhân**





## PHỤ LỤC 1

**Một số chính sách, văn bản chỉ đạo điều hành chủ yếu của tỉnh Bình Dương liên quan đến HNKTTQT và thực hiện các FTA mà Việt nam là thành viên**

*(Kèm theo Báo cáo số: 103/BC-ĐDBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)*

STT	TÊN VĂN BẢN
1	Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và bảo hộ quyền SHTT
2	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 10/02/2011 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015
3	Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020
4	Chương trình số 26-CTr/TU ngày 20/9/2011 của Tỉnh ủy về việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến giai đoạn 2011 – 2015
5	Kế hoạch số 3905/KH-UBND ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phát triển dịch vụ logistics của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020
6	Kế hoạch hành động số 388/KH-UBND ngày 12/02/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương”
7	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 05/03/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án và Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao năng lực Hội nhập kinh tế quốc tế năm 2015 và những năm tiếp theo của tỉnh Bình Dương
8	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh Bình Dương



	về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai dịch vụ logistics của tỉnh đến năm 2025 do UBND tỉnh ban hành
9	Quyết định 36/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương
10	Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 -2020
11	Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 28/03/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Dương
12	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Bình Dương đến năm 2020
13	Chương trình số 20-CTr/TU ngày 09/08/2016 của Tỉnh ủy về Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và đội ngũ công nhân lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới
14	Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 08/11/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc tăng cường hoạt động sở hữu công nghiệp
15	Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 23/02/2017 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương
16	Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh (Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 8/11/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường hoạt động sở hữu công nghiệp)
17	Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 27/07/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp
18	Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Bình Dương

	về Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2017-2020
19	Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cho phép thành lập Hiệp hội logistics tỉnh Bình Dương
20	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của tỉnh Bình Dương
21	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc quyết định giao Quỹ đầu tư phát triển tỉnh thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
22	Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Dương
23	Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương quy định chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2025
24	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về Đề án "Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2025"



## PHỤ LỤC 2

**Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân XNK của tỉnh Bình Dương  
với các nước có FTA với Việt Nam năm 2019**

(Kèm theo Báo cáo số: 103 /BC-ĐĐBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020  
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)

Quốc gia	FTA với Việt Nam	Xuất khẩu (triệu USD)	Nhập khẩu (triệu USD)	Cán cân XNK (triệu USD)
Thái Lan	AFTA, ACFTA, AKFTA, AJCEP, AIFTA, AANZFTA, AHKFTA	438,09	526,78	-88,68
Indonesia		349,00	95,07	253,93
Philippines		296,02	35,45	260,58
Myanmar		36,58	1,02	35,55
Campuchia		347,74	39,67	308,07
Lào		6,99	0,03	6,96
Singapore	AFTA, ACFTA, AKFTA, AJCEP, AIFTA, AANZFTA, CPTPP, AHKFTA	729,80	1.252,93	-523,14
Malaysia		415,76	298,01	117,75
Brunei		18,40	7,84	10,55
Trung Quốc	ACFTA	767,28	2.774,84	-2.007,56
Hàn Quốc	AKFTA, VKFTA	3.446,90	2.231,02	1.215,88
Nhật Bản	AJCEP, VJEPA, CPTPP	3.386,34	3.744,87	-358,53
Ấn Độ	AIFTA	150,01	130,79	19,22
Australia	AANZFTA,	40,26	39,61	0,65

Quốc gia	FTA với Việt Nam	Xuất khẩu (triệu USD)	Nhập khẩu (triệu USD)	Cán cân XNK (triệu USD)
New Zealand	CPTPP	24,87	107,88	-83,00
Chile	VCFTA, CPTPP	18,64	11,63	7,01
Nga	VN-EAEU FTA	44,54	6,50	38,05
Belarus		0,04	0,00	0,04
Armenia		0,04	0,00	0,04
Kazakhstan		0,21	2,67	-2,46
Kyrgyzstan		0,00	0,00	0,00
Canada		CPTPP	187,92	62,23
Mexico	80,13		7,16	72,97
Peru	4,94		0,31	4,63
Hongkong	AHKFTA	2.158,66	1.769,72	388,94
<b>Tổng kim ngạch các nước có FTA</b>		<b>12.949,18</b>	<b>13.146,02</b>	<b>-196,85</b>

Số liệu từ Cục Hải quan tỉnh Bình Dương

**PHỤ LỤC 3**

**Số dự án và vốn đầu tư của các nước có FTA với Việt Nam  
được cấp phép tại KCN VSIP I, II, II-A và KCN Mapletree năm 2019**  
(Kèm theo Báo cáo số: 103 /BC-ĐĐBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020  
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)

<b>Quốc gia/Vùng lãnh thổ</b>	<b>Số dự án</b>	<b>Tỷ lệ % số dự án</b>	<b>Vốn đầu tư (triệu USD)</b>	<b>Tỷ lệ % vốn đầu tư</b>
Thái Lan	9	2.4%	96.68	1.5%
Indonesia	2	0.5%	32.50	0.5%
Philippines	3	0.8%	42.00	0.6%
Myanmar	0	0.0%	0	0.0%
Campuchia	0	0.0%	0	0.0%
Lào	0	0.0%	0	0.0%
Singapore	94	25.5%	2,285.91	34.3%
Malaysia	18	4.9%	232.55	3.5%
Brunei	2	0.5%	21.60	0.3%
Trung Quốc	25	6.8%	285.13	4.3%
Hàn Quốc	66	17.9%	372.75	5.6%
Nhật Bản	98	26.6%	2,679.70	40.2%
Ấn Độ	5	1.4%	87.90	1.3%
Australia	1	0.3%	8.00	0.1%
New Zealand	0	0.0%	0	0.0%
Chile	0	0.0%	0	0.0%

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Số dự án	Tỷ lệ % số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ lệ % vốn đầu tư
Nga	0	0.0%	0	0.0%
Belarus	0	0.0%	0	0.0%
Armenia	0	0.0%	0	0.0%
Kazakhstan	0	0.0%	0	0.0%
Kyrgyzstan	0	0.0%	0	0.0%
Canada	8	2.2%	40.62	0.6%
Mexico	0	0.0%	0	0.0%
Peru	0	0.0%	0	0.0%
Hongkong	38	10.3%	476.01	7.1%
<b>Tổng cộng các nước có FTA</b>	<b>369</b>	<b>100.0%</b>	<b>6,661.35</b>	<b>100.0%</b>

Số liệu từ Ban Quản lý KCN VSIP

**PHỤ LỤC 4**

**Số dự án và vốn đầu tư của các nước có FTA với Việt Nam  
được cấp phép tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2019  
(Trừ các KCN VSIP I, II, II-A, Mapletree)**

*(Kèm theo Báo cáo số: 103/BC-ĐDBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020  
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)*

<b>Quốc gia/Vùng lãnh thổ</b>	<b>Số dự án</b>	<b>Tỷ lệ % số dự án</b>	<b>Vốn đầu tư (triệu USD)</b>	<b>Tỷ lệ % vốn đầu tư</b>
Thái Lan	0	0.0%	0	0.0%
Indonesia	0	0.0%	0	0.0%
Philippines	0	0.0%	0	0.0%
Myanmar	0	0.0%	0	0.0%
Campuchia	0	0.0%	0	0.0%
Lào	0	0.0%	0	0.0%
Singapore	2	2.7%	8,000,000	2.4%
Malaysia	3	4.1%	31,000,000	9.5%
Brunei	0	0.0%	0	0.0%
Trung Quốc	50	67.6%	94,419,705	28.9%
Hàn Quốc	0	0.0%	0	0.0%
Nhật Bản	6	8.1%	24,167,900	7.4%
Ấn Độ	0	0.0%	0	0.0%
Australia	0	0.0%	0	0.0%
New Zealand	0	0.0%	0	0.0%



Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Số dự án	Tỷ lệ % số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ lệ % vốn đầu tư
Chile	0	0.0%	0	0.0%
Nga	0	0.0%	0	0.0%
Belarus	0	0.0%	0	0.0%
Armenia	0	0.0%	0	0.0%
Kazakhstan	0	0.0%	0	0.0%
Kyrgyzstan	0	0.0%	0	0.0%
Canada	0	0.0%	25,287,860	7.7%
Mexico	0	0.0%	0	0.0%
Peru	0	0.0%	0	0.0%
Hongkong	13	17.6%	144,357,002	44.1%
<b>Tổng cộng các nước có FTA</b>	<b>74</b>	<b>100.0%</b>	<b>327,232,467</b>	<b>100.0%</b>

*Số liệu từ Ban Quản lý các Khu Công nghiệp*



## PHỤ LỤC 5

**Số dự án và vốn đầu tư của các nước có FTA với Việt Nam được cấp phép trên địa bàn tỉnh Bình Dương lũy kế đến năm 2019**

(Kèm theo Báo cáo số: 103 /BC-ĐDBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Số dự án	Tỷ lệ % số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ lệ % vốn đầu tư
Thái Lan	35	1.6%	623,546,393	3.4%
Indonesia	11	0.5%	55,059,174	0.3%
Philippines	6	0.3%	74,200,000	0.4%
Myanmar	0	0.0%	0	0.0%
Campuchia	1	0.0%	1,090,908	0.0%
Lào	0	0.0%	0	0.0%
Singapore	241	11.1%	4,144,776,064	22.8%
Malaysia	94	4.3%	848,783,483	4.7%
Brunei	54	2.5%	273,634,979	1.5%
Trung Quốc	401	18.5%	1,169,059,723	6.4%
Hàn Quốc	742	34.2%	3,149,921,529	17.4%
Nhật Bản	313	14.4%	5,610,007,683	30.9%
Ấn Độ	10	0.5%	115,455,394	0.6%
Australia	29	1.3%	132,220,195	0.7%
New Zealand	4	0.2%	13,133,000	0.1%
Chile	0	0.0%	0	0.0%

<b>Quốc gia/Vùng lãnh thổ</b>	<b>Số dự án</b>	<b>Tỷ lệ % số dự án</b>	<b>Vốn đầu tư (triệu USD)</b>	<b>Tỷ lệ % vốn đầu tư</b>
Nga	3	0.1%	5,850,000	0.0%
Belarus	0	0.0%	0	0.0%
Armenia	0	0.0%	0	0.0%
Kazakhstan	0	0.0%	0	0.0%
Kyrgyzstan	0	0.0%	0	0.0%
Canada	19	0.9%	73,140,000	0.4%
Mexico	0	0.0%	0	0.0%
Peru	0	0.0%	0	0.0%
Hongkong	205	9.5%	1,854,847,039	10.2%
<b>Tổng cộng các nước có FTA</b>	<b>2168</b>	<b>100.0%</b>	<b>18,144,725,564</b>	<b>100.0%</b>

*Số liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư*

## PHỤ LỤC 6


**Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GDRP) giai đoạn 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số: 103/BC-ĐĐBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	Dự ước 2020
<b>Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) giá hiện hành</b>	Tỷ đồng	211,100	234,185	266,632	304,689	345,821	392,275
<b>Tỉ trọng GRDP</b>							
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3.3	3.0	3.0	2.7	2.6	2.5
- Công nghiệp và xây dựng	%	66.7	66.9	64.4	67.0	66.8	66.6
- Dịch vụ	%	21.5	21.8	22.2	22.0	22.4	23.1
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8.6	8.4	8.4	8.3	8.2	7.8
<b>GRDP bình quân/người</b>	Triệu đồng	115.5	124.2	131.4	138.8	146.9	154.2

## PHỤ LỤC 7

## Cơ cấu nguồn thu ngân sách trên địa bàn Bình Dương giai đoạn 2015-2019

(Kèm theo Báo cáo số: 103 /BC-ĐDBQH ngày 29 tháng 04 năm 2020  
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	GĐ 2016- 2019
Thu nội địa	25.077.388	27.712.828	32.608.841	35.320.291	43.315.952	11.6%
Thu từ xuất nhập khẩu	10.333.578	11.170.121	13.448.220	15.012.314	16.032.220	9.2%
<b>Tổng</b>	<b>35.410.966</b>	<b>38.882.949</b>	<b>46.057.061</b>	<b>50.332.605</b>	<b>59.348.172</b>	<b>10.9%</b>

Số liệu từ Cục Thuế và Cục Hải quan